

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp. - Địa chỉ: Số 05 Phùng Khắc Khoan, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. - Văn phòng: Số 115 Trần Quang Khải, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh. - Số tài khoản: 9552.2.8059499 Tại Kho bạc Nhà nước Khu vực II. - Mã số thuế: 0315584775 - Điện thoại: 028.38247663 - Email: bqlddcn@tphcm.gov.vn
E-ĐKC 1.7	Công trình bao gồm: Tên gói thầu: Thi công xây dựng và cung cấp, lắp đặt thiết bị; Phá dỡ công trình hiện hữu Tên dự án: Xây dựng Khu trung tâm nghiên cứu ứng dụng Đông Y – Đông Dược
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại: Số 273 Nguyễn Văn Trỗi, phường 10, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh) và được xác định trong bản vẽ số: xem bản vẽ đính kèm
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: 360 ngày.
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 360 ngày.
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là : Theo Thông báo khởi công của Chủ đầu tư.
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: _____. - Địa chỉ: _____ - Số tài khoản: _____ - Mã số thuế: _____ - Số điện thoại: _____ - Email: _____ - Fax: _____
E-ĐKC 1.29	- Tư vấn quản lý dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp. - Tư vấn giám sát là: + Địa chỉ:. + Số điện thoại:

E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: Toàn bộ công trình
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu sau đây cho Chủ đầu tư trước khi nghiệm thu và bàn giao sản phẩm của hợp đồng: - Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành. Các kết quả thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định. - Nhà thầu đảm bảo vật tư, thiết bị được cung cấp có nguồn gốc xuất xứ như quy định của hồ sơ hợp đồng. Nhà thầu phải cung cấp Giấy chứng nhận bảo hành của Nhà thầu hoặc của nhà sản xuất; Giấy chứng nhận chất lượng; Tờ khai hàng hóa nhập khẩu – Mẫu HQ/2015/NK (phải đầy đủ, rõ ràng các thông tin, không được tẩy xóa, sửa chữa) và các chứng từ có liên quan khác. Trong trường hợp nhà thầu không cung cấp Tờ khai hàng hóa nhập khẩu – Mẫu HQ/2015/NK và không giải trình được lý do không cung cấp, đồng thời không chứng minh được giá trúng thầu bao gồm đầy đủ chi phí hợp lý, hợp lệ thì Chủ đầu tư không thực hiện thanh toán và sẽ báo cáo cấp thẩm quyền quyết định.
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng. - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 15 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 07 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường.
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 07 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.

E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____.
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% giá hợp đồng.
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Nhà thầu phụ phải có năng lực và kinh nghiệm cho phần công việc mà mình đảm nhận.
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho người lao động thi công trên công trường và bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba... theo quy định của pháp luật liên quan (nếu có)
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình: 365 ngày kể từ khi nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: Theo hồ sơ thiết kế được duyệt.
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Trong vòng 05 ngày kể từ ngày khởi công.
E-ĐKC 27.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: 28 (hai mươi tám) ngày. Giải quyết tranh chấp: a) Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải. b) Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 28 (hai mươi tám) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án nhân dân) theo quy định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên. c) Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	- Ngày khởi công: Theo Thông báo khởi công của Chủ đầu tư. - Ngày hoàn thành dự kiến: ... ngày kể từ ngày khởi công công trình, bao gồm cả ngày nghỉ và ngày lễ.
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 7 ngày từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 07 ngày - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: 402.000.000 đồng (tương ứng 0,1% giá trị hợp đồng).
E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: Không có.
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: Các loại vật tư, máy móc, thiết bị được quy định tại E-HSMT.
D. Quản lý chi phí	

E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: Cố định
E-ĐKC 42.1	- Tạm ứng: Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu không vượt quá 30% giá trị hợp đồng (bao gồm dự phòng nếu có) sau khi nhận được chứng thư bảo đảm thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương ứng với số tiền tạm ứng và văn bản đề nghị tạm ứng của Nhà thầu. Trường hợp Chủ đầu tư tạm ứng lần đầu cho Nhà thầu chưa đủ giá trị tạm ứng trong hợp đồng thì Nhà thầu sẽ được tạm ứng phần còn lại khi vốn ngân sách được cấp trong đợt tiếp theo. Trường hợp cần tạm ứng với mức cao hơn phải được người quyết định đầu tư cho phép. - Hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng: Bảo lãnh tạm ứng có hiệu lực kể trong thời gian 360 ngày từ ngày phát hành chứng thư của Ngân hàng hoặc cho đến khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo điều kiện nào đến trước. - Thời gian tạm ứng: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị tạm ứng hợp lệ của Nhà thầu, Chủ đầu tư sẽ hoàn thành các thủ tục chuyển Kho bạc nhà nước. - Thu hồi tạm ứng: + Thời điểm thu hồi tạm ứng: 90 ngày kể từ ngày chủ đầu tư tạm ứng cho nhà thầu. + Nếu quá thời hạn 90 ngày kể từ thời điểm phải thu hồi vốn tạm ứng mà Nhà thầu chưa thực hiện hoặc khi phát hiện nhà thầu sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích, Chủ đầu tư sẽ phối hợp với cơ quan kiểm soát, thanh toán để thu hồi hoàn trả vốn đã tạm ứng cho ngân sách nhà nước hoặc yêu cầu tổ chức tín dụng phát hành bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng theo nghĩa vụ bảo lãnh khi nhà thầu vi phạm cam kết với chủ đầu tư về việc sử dụng vốn tạm ứng. + Tiền tạm ứng sẽ được Chủ đầu tư thu hồi dần qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành theo công thức như sau: Số tiền thu hồi tạm ứng kỳ này = (Tỷ lệ KLHT kỳ này x Số tiền tạm ứng)/80% + Chủ đầu tư sẽ thu hồi tạm ứng ngay từ lần thanh toán đầu tiên và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị thanh toán (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) đạt 80% giá trị hợp đồng. + Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt Hợp đồng (tùy từng trường hợp), khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư.
E-ĐKC 44.1	- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản. - Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VND). Trên cơ sở kế hoạch vốn được giao, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo phương thức quy định dưới đây, nhưng không vượt kế hoạch vốn

	năm của dự án: + Căn cứ vào khối lượng hoàn thành được các bên nghiệm thu, trên cơ sở đó tiến hành lập giá trị thanh toán mỗi đợt. Các đợt thanh toán sẽ căn cứ khối lượng thực tế thi công, nghiệm thu hạng mục công trình, bảng tính đơn giá giao nhận thầu và được các bên (A, B, Giám sát...) nghiệm thu. + Chủ đầu tư sẽ thanh toán 100% giá trị khối lượng hoàn thành của từng đợt. Nhưng tổng giá trị thanh toán lũy kế của các đợt trước khi thanh toán đợt cuối không vượt quá 90% giá trị hợp đồng hoặc giá trị hợp đồng điều chỉnh (nếu có). + Sau khi công trình được nghiệm thu hoàn thành và được cấp có thẩm quyền chấp thuận nghiệm thu, Chủ đầu tư nhận được chứng thư bảo lãnh bảo hành hợp lệ và quyết toán A-B, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu đến 95% giá trị quyết toán hợp đồng. + Sau khi có kết quả phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu giá trị còn lại trên cơ sở giá trị được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán. + Đối với khối lượng hoàn thành được các bên nghiệm thu, Nhà thầu tiến hành lập hồ sơ thanh toán và xuất hóa đơn theo quy định của pháp luật áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành tại thời điểm nghiệm thu. - Thời hạn thanh toán: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu gồm: - Hồ sơ thanh toán: Trong vòng 02 ngày kể từ ngày nghiệm thu, Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư đầy đủ bộ hồ sơ thanh toán theo quy định dưới đây: 4 - Hồ sơ thanh toán 10 bộ theo khoản 43.2, Điều 43 E-ĐKC của hợp đồng. + Hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định hiện hành cho Chủ đầu tư theo từng đợt thanh toán.
E-ĐKC 45	Điều chỉnh thuế: Được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
E-ĐKC 46.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 10%
E-ĐKC 47.1(d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Không quy định.
E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	Mức phạt: 0,1% giá hợp đồng cho mỗi ngày chậm tiến độ nhưng tổng số

	tiền phạt không vượt quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của nhà thầu.
E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: Áp dụng - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.
E-ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.
E. Kết thúc hợp đồng	
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: 30 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan có thẩm quyền.
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: 30 ngày kể từ ngày bàn giao công trình
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: 40.000.000.000 đồng (tương ứng 10% giá trị hợp đồng).
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 10 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.